

Số: 918 /LĐLĐ

Lai Châu, ngày 13 tháng 5 năm 2022

V/v báo cáo hoạt động công đoàn 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2022

- Kính gửi: - Liên đoàn Lao động các huyện, thành phố;
- Các Công đoàn Ngành, Công đoàn Viên chức.
- Các Công đoàn cơ sở trực thuộc.

Thực hiện Công văn số 4091/TLĐ-VP ngày 10/5/2022 của Tổng LĐLĐ Việt Nam về việc báo cáo hoạt động công đoàn 6 tháng đầu năm 2022, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2022; Căn cứ Chương trình số 20/CTr-LĐLĐ, ngày 23/12/2021 về Chương trình làm việc của Thường trực, Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh năm 2022. Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh yêu cầu các LĐLĐ huyện, thành phố, Công đoàn Ngành, Công đoàn Viên chức báo cáo kết quả hoạt động công đoàn 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2022 theo một số nội dung sau:

I. Về tình hình công nhân, viên chức, lao động

- Khát quát tình hình việc làm, thu nhập, đời sống của người lao động.
- Tình hình quan hệ lao động.
- Tình hình tai nạn lao động.
- Những vấn đề có tác động đến tổ chức và hoạt động công đoàn, các vấn đề mới phát sinh hoặc dự báo sẽ phát sinh trong thực tiễn cùng những tác động, ảnh hưởng, yêu cầu nhiệm vụ đặt ra đối với tổ chức Công đoàn.

II. Về kết quả hoạt động công đoàn 6 tháng đầu năm 2022

Báo cáo cần ngắn gọn, có số liệu chứng minh cụ thể; nêu rõ những cách làm, mô hình mới, sáng tạo mang lại hiệu quả thiết thực tại các cấp công đoàn; những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân. Bên cạnh đánh giá kết quả hoạt động công đoàn trên các mặt công tác, những hoạt động thường xuyên, định kỳ, đề nghị tập trung vào một số nội dung:

1. Việc triển khai thực hiện chủ đề năm “Chăm lo việc làm, đời sống cho người lao động; phấn đấu hoàn thành cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội XII Công đoàn Lai Châu”, Hướng dẫn số 60/HD-LĐLĐ ngày 04/4/2022 về thực hiện chủ đề hoạt động công đoàn năm 2022, trong đó:

- Về chăm lo việc làm, đời sống cho người lao động

+ Công tác tham gia xây dựng chính sách, pháp luật liên quan đến người lao động, công đoàn tại ngành, địa phương; tổ chức triển khai các quy định mới của pháp luật liên quan đến người lao động, nhất là các chính sách hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do dịch bệnh Covid - 19, các chính sách khôi phục việc làm, học nghề, tìm kiếm, tạo thêm việc làm mới cho người lao động.

+ Việc kết nối thông tin về cung - cầu lao động giữa các công đoàn cơ sở, công đoàn cấp trên cơ sở, giúp người lao động có việc làm và ổn định thu nhập (có số liệu, mô hình chứng minh cụ thể).

+ Hoạt động chăm lo phúc lợi cho đoàn viên, người lao động theo Kế hoạch số 132/KH-LĐLĐ, ngày 06/12/2019 về nâng cao phúc lợi, lợi ích cho đoàn viên và người lao động giai đoạn 2019-2023.

+ Công tác kiểm tra, giám sát đối với việc thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với người lao động bị ảnh hưởng do Covid - 19.

- Công tác tuyên truyền

+ Việc nắm bắt tâm tư nguyện vọng, nhu cầu việc làm của người lao động, tham gia thông tin kết nối cung - cầu để người lao động có việc làm; tuyên truyền, vận động nâng cao ý thức trách nhiệm của người lao động, người sử dụng lao động trong công tác phòng, chống dịch bệnh, đảm bảo việc làm, ổn định thu nhập cho người lao động.

+ Kết quả triển khai Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong CNLĐ tại doanh nghiệp đến năm 2030”.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu được giao năm 2022 theo Quyết định số 710/QĐ-LĐLĐ ngày 08/02/2022 của Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh.

3. Kết quả công tác phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở, gắn với củng cố nâng cao chất lượng hoạt động của công đoàn cơ sở theo Kế hoạch số 308/KH-LĐLĐ ngày 19/01/2022 của Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh. Kết quả cập nhật thông tin đoàn viên và đổi thẻ đoàn viên công đoàn.

4. Việc triển khai Kế hoạch số 276/KH-LĐLĐ về thực hiện thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Chấp hành Tổng LĐLĐ Việt Nam về thực hiện Nghị quyết số 02 - NQ/TW ngày 12/6/2021 của Bộ chính trị về “Đổi mới tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam trong tình hình mới”; Kế hoạch số 328/KH-LĐLĐ ngày 04/4/2022 về việc tổ chức đại

hội công đoàn các cấp tiến tới Đại hội XIII Công đoàn tỉnh Lai Châu, nhiệm kỳ 2023-2028.

5. Kết quả tổ chức các hoạt động kỷ niệm 136 năm Ngày Quốc tế Lao động 1/5, Tháng Công nhân năm 2022, gắn với Tháng An toàn vệ sinh lao động năm 2022 theo Kế hoạch số 330/KH-LĐLĐ, ngày 05/4/2022 và Hướng dẫn số 889/HD-LĐLĐ ngày 07/4/2022 về tổ chức một số hoạt động trọng tâm “Tháng Công nhân” năm 2022.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022

Căn cứ Chương trình công tác năm 2022, kết quả, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ 6 tháng đầu năm và yêu cầu thực tiễn tại địa phương, đơn vị để xác định những nhiệm vụ trọng tâm trong 6 tháng cuối năm 2022 cho sát và phù hợp.

IV. NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT (Nếu có)

Báo cáo gửi về LĐLĐ tỉnh qua Văn phòng chậm nhất ngày 01/6/2022; đồng thời gửi bản mềm qua địa chỉ hộp thư: thuanglaichau@gmail.com; kèm Bảng số liệu thống kê (theo mẫu gửi kèm - số liệu tính đến hết 31/5/2021; Số liệu phải trùng khớp với báo cáo về các Ban LĐLĐ tỉnh).

Lưu ý: Người đứng đầu các đơn vị chịu trách nhiệm về số liệu của đơn vị mình.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đông Thị Nghĩa

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH LAI CHÂU
LĐLĐ HUYỆN, NGÀNH.....

BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN 6 THÁNG ĐẦU NĂM
Năm: 2022

(Kèm theo Công văn số 918/LĐLĐ ngày 13/5/2022 của BTV LĐLĐ tỉnh Lai Châu)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I	Tình hình CNVCLĐ và việc thực hiện một số chính sách quan trọng đối với người lao động			
1.	Số DN nợ lương người lao động	DN		
	Số tiền lương DN nợ người lao động	triệu đồng		
2.	Số DN nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN	DN		
	Số tiền DN nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN	triệu đồng		
3.	Số vụ tranh chấp lao động tập thể, đình công đã xảy ra. Trong đó:	vụ		
	+ Doanh nghiệp nhà nước	vụ		
	+ Doanh nghiệp ngoài nhà nước	vụ		
	+ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	vụ		
4.	Số vụ tai nạn lao động. Trong đó:	vụ		
	+ Doanh nghiệp có công đoàn	vụ		
	+ Doanh nghiệp không có công đoàn	vụ		
	Số người bị tai nạn lao động. Trong đó:	người		
	+ Doanh nghiệp có công đoàn	người		
	+ Doanh nghiệp không có công đoàn	người		
	Số vụ tai nạn lao động chết người. Trong đó:	vụ		
	+ Doanh nghiệp có công đoàn	vụ		
	+ Doanh nghiệp không có công đoàn	vụ		
	Số người chết vì tai nạn lao động. Trong đó:	người		
	+ Doanh nghiệp có công đoàn	người		
	+ Doanh nghiệp không có công đoàn	người		
5.	Số người mắc bệnh nghề nghiệp. Trong đó:	người		
	+ Số người mắc mới trong kỳ báo cáo	người		
6.	Số DN có thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh viên	DN		
	Số an toàn vệ sinh viên	người		
II	Đại diện chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động			
7.	Số doanh nghiệp có thoả ước lao động tập thể	DN		
	+ Doanh nghiệp nhà nước	DN		
	+ DN ngoài nhà nước	DN		
	+ DN có vốn đầu tư nước ngoài	DN		
8.	Tổng số cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng tổ chức hội nghị CB,CC,VC	đơn vị		



TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	Số cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng đã tổ chức hội nghị CB,CC,VC	đơn vị		
9.	Số DN nhà nước đã tổ chức hội nghị NLD	DN		
	Số DN ngoài khu vực NN đã tổ chức hội nghị NLD	DN		
10.	Số DN nhà nước đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc. Trong đó:	DN		
	+ Đối thoại định kỳ	cuộc		
	+ Đối thoại đột xuất	cuộc		
	Số DN ngoài khu vực nhà nước đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc. Trong đó:	DN		
	+ Đối thoại định kỳ	cuộc		
	+ Đối thoại đột xuất	cuộc		
11.	Số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở. Trong đó:	đơn vị		
	+ Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập	đơn vị		
	+ Doanh nghiệp nhà nước	DN		
	+ Doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước	DN		
12.	Số người được tư vấn pháp luật	lượt người		
13.	Số người được bảo vệ tại tòa án	người		
14.	Giám sát, phản biện xã hội theo Quyết định 217-QĐ/TW của Bộ Chính trị	cuộc		
	+ Số cuộc CĐ chủ trì giám sát	cuộc		
	+ Số cuộc CĐ tham gia giám sát	cuộc		
	+ Số cuộc hội nghị phản biện	cuộc		
15.	Số đoàn viên và người lao động có hoàn cảnh khó khăn được công đoàn hỗ trợ, thăm hỏi	lượt người		
	Số tiền hỗ trợ, thăm hỏi	triệu đồng		
	Số đoàn viên, người lao động được thụ hưởng chương trình “Phúc lợi cho đoàn viên và người lao động”	lượt người		
	Số tiền hưởng lợi	triệu đồng		
16.	Quỹ xã hội công đoàn (do đoàn viên, NLD và các tổ chức, cá nhân đóng góp, tài trợ)	người		
	+ Số tiền vận động được trong kỳ báo cáo	triệu đồng		
	+ Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà “Mái ấm CĐ”	nhà		
	+ Số tiền hỗ trợ xây mới, sửa chữa	triệu đồng		
17.	Quỹ trợ vốn (chương trình, dự án tài chính vi mô)	cuộc		
	+ Số vốn cho vay trong kỳ báo cáo	triệu đồng		
	+ Số người được cho vay	người		
18.	Quỹ quốc gia về việc làm	triệu đồng		
	+ Số vốn cho vay trong kỳ báo cáo	triệu đồng		
	+ Số người được cho vay	người		
III Công tác thi đua				
19.	Số sáng kiến được công nhận	sáng kiến		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	Giá trị làm lợi	triệu đồng		
	Tiền thưởng sáng kiến	triệu đồng		
20.	Số công trình, sản phẩm thi đua được công nhận	CT, SP		
	Giá trị làm lợi từ các công trình, sản phẩm thi đua được công nhận	triệu đồng		
21.	Số người đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”	người		
IV	Công tác tuyên truyền, giáo dục			
22.	Số đoàn viên, người lao động được học tập, tuyên truyền, phổ biến các Chỉ thị, NQ của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, các nghị quyết của Công đoàn	lượt người		
23.	Số đoàn viên, người lao động được tham gia hoạt động văn hoá, thể thao, hội diễn văn nghệ do công đoàn tổ chức	lượt người		
24.	Số đoàn viên và người lao động được học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp	lượt người		
V	Công tác nữ công			
25.	Số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở thành lập ban nữ công quần chúng	đơn vị		
26.	Số CĐCS khu vực HCSN, DNNN có từ 10 nữ đoàn viên trở lên. Trong đó:	đơn vị		
	+ Số BNC quần chúng đã thành lập đầu kỳ báo cáo	BNC		
	+ Số BNC quần chúng thành lập mới trong kỳ báo cáo	BNC		
27.	Số CĐCS ngoài khu vực NN có từ 10 nữ đoàn viên trở lên. Trong đó:	CĐCS		
	+ Số ban nữ công quần chúng đã thành lập đầu kỳ báo cáo	BNC		
	+ Số BNC quần chúng thành lập mới trong kỳ báo cáo	đơn vị		
28.	Tổng số ủy viên ban nữ công quần chúng. Trong đó:	người		
	+ Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở	người		
	+ Công đoàn cơ sở khu vực HCSN và DNNN	người		
	+ CĐCS ngoài khu vực Nhà nước	người		
29.	Số người được khen thưởng phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”, Trong đó:	người		
	+ Khu vực HCSN và DNNN	người		
	+ Khu vực ngoài Nhà nước	người		
VI	Công tác kiểm tra			
30.	Số CĐ cấp trên trực tiếp cơ sở đã tổ chức thực hiện việc kiểm tra tài chính cùng cấp trong kỳ	lượt		
VII	Công tác tổ chức			
31.	Tổng số CNVCLĐ	người		
32.	Tổng số đoàn viên công đoàn. Trong đó:	người		
	+ Tổng số đoàn viên kết nạp mới	người		



TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	+ Tổng số đoàn viên giảm	người		
	+ Tổng số đoàn viên tăng (giảm thực tế)	người		
33.	Tổng số công đoàn cơ sở. Trong đó:	CĐCS		
	+ Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp	CĐCS		
	+ Doanh nghiệp Nhà nước	CĐCS		
	+ Doanh nghiệp ngoài nhà nước	CĐCS		
	+ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	CĐCS		
	+ Số nghiệp đoàn	NĐ		
34.	Tổng số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở	đơn vị		
35.	Số DN có 25 công nhân lao động trở lên. Trong đó:	DN		
	Số doanh nghiệp đã thành lập công đoàn cơ sở	DN		
36.	Tổng số cán bộ công đoàn chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn	lượt người		
	Số cán bộ công đoàn không chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về nghiệp vụ công đoàn	lượt người		
37.	Số đoàn viên công đoàn được CĐCS giới thiệu cho tổ chức Đảng xem xét, kết nạp	người		
	Số đoàn viên công đoàn được kết nạp vào Đảng	người		
38.	Số CĐ cấp trên trực tiếp cơ sở hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	đơn vị		
39.	Số CĐ cơ sở khu vực nhà nước hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	CĐCS		
	Số CĐ cơ sở ngoài khu vực nhà nước hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	CĐCS		

Lai Châu, ngày tháng năm 2022
TM. BAN THƯỜNG VỤ